



SỰ VA CHẠM GIỮA CÁC NỀN VĂN MINH?

Nguồn: Samuel P. Huntington (1993). “The Clash of Civilizations?” *Foreign Affairs*, No. 72 (Summer), pp. 22-49.

Biên dịch: Lưu Ngọc Trâm | **Hiệu đính:** Lê Hồng Hiệp

Hình thái tiếp theo của xung đột

Chính trị thế giới đang bước vào một giai đoạn mới, và các nhà trí thức đã không hề ngần ngại đưa ra vô số quan điểm về hình hài của nó - sự cáo chung của lịch sử, sự trở lại của mối thâm thù giữa các quốc gia - dân tộc, và sự suy tàn của các quốc gia - dân tộc dưới sức ép của chủ nghĩa bộ lạc, chủ nghĩa toàn cầu và các chủ nghĩa khác. Mỗi quan điểm đều nắm bắt một khía cạnh nào đó của hiện thực đang hình thành. Tuy nhiên tất cả đều không nắm bắt được một khía cạnh quan trọng, thực tế là trung tâm, của hình hài khả dĩ của chính trị thế giới trong những năm sắp tới.

Theo giả thiết cá nhân tôi, nguồn chính của xung đột trong thế giới mới sẽ không chỉ tập trung vào vấn đề hệ tư tưởng hay kinh tế. Thay vào đó khác biệt văn hóa sẽ là yếu tố chính gây nên sự chia rẽ loài người và là nguồn chính của xung đột. Quốc gia dân tộc vẫn sẽ tiếp tục giữ vai trò là chủ thể trung tâm của quan hệ quốc tế, tuy nhiên xung đột trong thế giới chính trị chủ yếu sẽ diễn ra giữa các quốc gia và các nhóm thuộc những nền văn minh khác nhau. Sự xung đột giữa các nền văn minh sẽ chi phối chính trị thế giới. Và như vậy đường phân cách các nền văn minh sẽ trở thành các đường chiến tuyến trong tương lai.

Xung đột giữa các nền văn minh sẽ là bước phát triển mới nhất trong sự tiến hóa của xung đột trong thế giới hiện đại. Một thế kỷ rưỡi sau Hòa ước Westphalia cùng sự xuất hiện của hệ thống quốc tế hiện đại, các cuộc xung đột của thế giới phương Tây chủ yếu diễn ra giữa các đảng quân vương – các hoàng đế, các vị vua của chế độ quân chủ chuyên chế hay quân chủ lập hiến cố gắng mở rộng hệ thống nhà nước, quân đội, sức mạnh kinh tế theo tư

tương trọng thương, và quan trọng nhất là mở rộng lãnh thổ cai trị. Tuy nhiên trong quá trình hình thành các quốc gia dân tộc, và bắt đầu từ cuộc Cách mạng Pháp, chiến tuyến chính của xung đột là giữa các quốc gia hơn là giữa các bậc quân vương. Năm 1793, R. R. Palmer nhận xét “Thời kỳ chiến tranh giữa các vị vua đã qua, thời kỳ chiến tranh giữa các dân tộc đã bắt đầu.” Mẫu hình xung đột của thế kỷ 19 kéo dài đến hết Chiến tranh thế giới lần thứ nhất. Sau đó, từ kết quả của Cách mạng Nga và các phản ứng chống lại cuộc cách mạng này, xung đột giữa các quốc gia đã nhường đường cho sự xung đột giữa các hệ tư tưởng, đầu tiên là giữa chủ nghĩa cộng sản, chủ nghĩa phát xít và chủ nghĩa dân chủ tự do, và sau đó là giữa chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa dân chủ tự do. Suốt thời kỳ Chiến tranh Lạnh, xung đột ý thức hệ này biểu hiện qua sự đối đầu giữa hai siêu cường là Mỹ và Liên Xô, cả hai nước này đều không phải là các quốc gia dân tộc theo nghĩa châu Âu cổ điển và mỗi quốc gia đều xác định bản sắc của mình trên phương diện hệ tư tưởng.

Xung đột giữa các bậc quân vương, giữa các quốc gia dân tộc và giữa các hệ tư tưởng cơ bản là những xung đột của nền văn minh phương Tây, hay “nội chiến giữa các nước phương Tây” theo như cách gọi của William Lind. Sự phân loại này là đúng nếu xét đến cuộc Chiến tranh Lạnh, hai cuộc chiến tranh thế giới và các cuộc chiến tranh trước đó trong thế kỷ mười bảy, mười tám và mười chín. Với sự kết thúc của Chiến tranh Lạnh, chính trị thế giới bước ra khỏi giai đoạn chi phối bởi phương Tây, và trung tâm của nó giờ đây là sự tương tác giữa các nền văn minh phương Tây với ngoài phương Tây hay giữa các nền văn minh ngoài phương Tây với nhau. Trong quan hệ chính trị giữa các nền văn minh, các dân tộc và chính phủ của các nền văn minh ngoài phương Tây không còn đóng vai trò chủ thể lịch sử là mục tiêu của chủ nghĩa thực dân phương Tây nữa mà đã cùng với phương Tây trở thành đối tượng thúc đẩy và định hình lịch sử.

Bản chất của các nền văn minh

Suốt thời kỳ Chiến tranh Lạnh, thế giới bị phân chia thành các nước thế giới thứ nhất, thứ hai và thứ ba. Sự phân chia này giờ đây không còn phù hợp nữa. Giờ đây cách phân chia ý nghĩa hơn nhiều là phân loại các nước theo nền văn hóa và văn minh của họ chứ không phải theo hệ thống chính trị, kinh tế, hay theo trình độ phát triển kinh tế như trước kia.

Khái niệm nền văn minh nghĩa là gì? Một nền văn minh là một thực thể văn hóa. Các thôn làng, các vùng, các nhóm sắc tộc, các dân tộc, các nhóm tôn giáo, tất cả đều có những nền văn hóa riêng biệt với các cấp độ đồng nhất văn hóa khác nhau. Văn hóa của một ngôi làng miền Nam nước Ý sẽ có sự khác biệt với văn hóa một ngôi làng ở miền Bắc, nhưng cả hai đều chia sẻ nét văn hóa chung của nước Ý, phân biệt chúng với những ngôi làng ở nước Đức. Cũng như vậy, các cộng đồng châu Âu chia sẻ những đặc điểm văn hóa chung phân biệt họ với các cộng đồng người Ả Rập hay người Hoa. Tuy nhiên, các cộng đồng người Ả Rập, người Hoa hay các cộng đồng châu Âu không nằm trong một thực thể văn hóa lớn hơn

nào khác. Họ cấu thành nên các nền văn minh. Như vậy một nền văn minh là nhóm văn hóa cao nhất của con người và là cấp độ rộng nhất của bản sắc văn hóa mà con người có được để phân biệt với các loài khác. Các yếu tố của một nền văn minh bao gồm các yếu tố khách quan chung như ngôn ngữ, lịch sử, tôn giáo, phong tục, các thể chế, và các yếu tố chủ quan để con người tự nhận dạng lẫn nhau. Con người có nhiều cấp độ bản sắc khác nhau: một công dân La Mã có thể tự xác định mình theo nhiều cấp độ như là một người La Mã, một công dân Ý, một người theo Công giáo, một tín đồ Cơ đốc giáo, một công dân châu Âu hay một người phương Tây. Trong đó nền văn minh là cấp độ bản sắc rộng nhất mà anh ta có thể dùng để tự nhận dạng. Con người hoàn toàn có thể và thực sự đã từng tái định nghĩa bản sắc của mình và do đó dẫn tới sự thay đổi trong thành phần và ranh giới của các nền văn minh.

Một nền văn minh có thể bao gồm một cộng đồng lớn người dân, ví dụ như Trung Hoa (“một nền văn minh vờ làm một quốc gia” như cách nói của Lucian Pye), hay cũng có thể chỉ bao gồm một số rất ít người như cộng đồng những người nói tiếng Anh ở vùng Caribbê. Một nền văn minh có thể gồm nhiều quốc gia dân tộc như nền văn minh của các nước phương Tây, các nước Mỹ Latinh hay các nước Ả Rập; cũng có thể chỉ gồm một quốc gia như trường hợp nền văn minh Nhật Bản. Giữa các nền văn minh sẽ có sự pha trộn và chồng lấn nhau, và có thể bao gồm cả các nền văn minh nhỏ hơn. Ví dụ như văn minh phương Tây có hai biến thể chính là văn minh châu Âu và văn minh Bắc Mỹ, hay như cộng đồng Hồi giáo có thể chia nhỏ thành văn minh Ả Rập, văn minh người Thổ hay cộng đồng các nước nói tiếng Malay. Tuy nhiên, các nền văn minh là các thực thể có ý nghĩa, và dù ranh giới giữa chúng rất mong manh, các ranh giới đó là có thật. Các nền văn minh cũng luôn vận động, chúng hưng thịnh rồi suy vong, chia tách rồi hợp nhất. Và như những người nghiên cứu lịch sử đều biết thì các nền văn minh còn biến mất và bị chôn vùi dưới rêu phong thời gian.

Người phương Tây có xu hướng quan niệm rằng các quốc gia dân tộc là chủ thể chính của các vấn đề toàn cầu. Các quốc gia dân tộc đã đóng vai trò đó, nhưng chỉ trong vài thế kỷ. Phạm vi rộng lớn nhất của lịch sử loài người chính là lịch sử của các nền văn minh. Trong cuốn *Một nghiên cứu về lịch sử [A Study of History]*, Arnold Toynbee đã chỉ ra 21 nền văn minh chính, nhưng chỉ 6 trong số đó vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay.

Lý do các nền văn minh sẽ xung đột lẫn nhau

Bản sắc của nền văn minh đóng vai trò ngày càng quan trọng trong tương lai khi thế giới sẽ được định hình phần lớn bởi sự tương tác giữa bảy hay tám nền văn minh chính, bao gồm văn minh phương Tây, văn minh Nho giáo, văn minh Nhật Bản, văn minh Hồi giáo, văn minh Ấn giáo, văn minh của người Slavơ – Chính thống giáo, văn minh Mỹ Latinh và cũng có thể sẽ gồm cả nền văn minh châu Phi. Xung đột quan trọng nhất trong tương lai sẽ diễn ra dọc theo đường chia cắt giữa các nền văn minh này.

Tại sao lại như vậy?

Thứ nhất, sự khác biệt giữa các nền văn minh không chỉ là có thật mà còn rất căn bản. Các nền văn minh phân biệt với nhau chủ yếu qua tôn giáo, ngoài ra còn qua các yếu tố khác như lịch sử, ngôn ngữ, văn hóa, truyền thống. Người dân ở các nền văn minh khác nhau có sẽ những quan điểm riêng biệt về quan hệ giữa con người với Đấng tối cao, giữa cá nhân với cộng đồng, giữa công dân với quốc gia, cha mẹ với con cái, quan hệ chồng vợ cũng như sự khác biệt quan điểm về tầm quan trọng của quyền lợi so với nghĩa vụ, sự tự do so với quyền hạn nhà nước, hay quan điểm về sự bình đẳng và phân chia thứ bậc. Những sự khác biệt này được hình thành từ hàng thế kỷ nay, do đó không thể dễ dàng biến mất. Những khác biệt này mang tính nền tảng hơn so với sự khác biệt giữa các ý thức hệ chính trị hay chế độ chính trị. Cho dù khác biệt không có nghĩa là xung đột và xung đột cũng không có nghĩa là bạo lực thì hàng thế kỷ qua, khác biệt giữa các nền văn minh đã tạo ra các cuộc xung đột kéo dài nhất và bạo lực nhất.

Thứ hai, thế giới đang dần thu hẹp lại. Sự tương tác giữa cư dân thuộc các nền văn minh khác nhau đang ngày càng tăng lên, kèm theo đó là sự gia tăng ý thức về nền văn minh cũng như nhận thức về sự khác biệt và tương đồng giữa các nền văn minh với nhau. Thái độ thù địch là phản ứng của người Pháp khi những người Bắc Phi di cư đến nước này, trong khi đó những người nhập cư Ba Lan Công giáo châu Âu “luơng thiện” lại ngày càng được chào đón. Người Mỹ phản ứng tiêu cực hơn nhiều với những nguồn đầu tư từ Nhật Bản so với các nguồn đầu tư lớn hơn từ Canada hay các nước châu Âu. Tương tự như vậy, như Donald Horowitz đã chỉ ra, “đối với những người dân vùng Đông Nigeria, một người Ibo có thể là người Ibo Owerri hay người Ibo Onitsha. Ở Lagos, người đó đơn giản là người Ibo. Ở London, anh ta là một người Nigeria. Còn ở New York, người ta chỉ biết đó là một người châu Phi.” Tương tác giữa cư dân thuộc các nền văn minh khác nhau làm gia tăng ý thức về nền văn minh của họ, điều đến lượt nó sẽ tăng cường sự khác biệt và sự thù địch đã có, hoặc được cho là đã có, từ sâu xa trong lịch sử.

Thứ ba, quá trình hiện đại hóa nền kinh tế và thay đổi trong xã hội trên phạm vi toàn cầu sẽ đưa con người rời xa khỏi các bản sắc bản địa lâu đời. Chúng cũng sẽ làm suy yếu các quốc gia dân tộc trong vai trò là một nguồn tạo nên bản sắc. Thay vào đó các hệ thống tôn giáo lớn trên thế giới sẽ nắm giữ vai trò này, thường là dưới dạng các phong trào được gọi là “trào lưu chính thống”. Những phong trào nào có thể được tìm thấy ở Kitô giáo Tây phương, Do Thái giáo, Phật giáo, Ấn giáo, cũng như Hồi giáo. Ở hầu hết các nước hay tôn giáo, những người tích cực đi theo các phong trào chính thống này chủ yếu là những chuyên gia kỹ thuật, những người có trình độ chuyên môn, hay các doanh nhân thuộc tầng lớp trung lưu, học cao và còn trẻ. George Weigel nhấn mạnh “sự phi thể tục hóa thế giới đang là một xu hướng xã hội chủ đạo vào cuối thế kỷ hai mươi.” Sự hồi sinh của tôn giáo mà Gilles Kepel gọi là “sự trả thù của Chúa” (la revanche de Dieu) đã tạo nên cơ sở của bản sắc cũng như sự cam kết vượt khỏi biên giới quốc gia để kết nối các nền văn minh với nhau.

Thứ tư, phương Tây đóng vai trò kép trong việc cải thiện ý thức về nền văn minh. Một mặt, nền văn minh phương Tây đang ở đỉnh cao của quyền lực. Mặt khác, điều này dẫn đến hiện tượng các nền văn minh phi phương Tây đang tìm cách quay lại các giá trị gốc rễ. Chúng ta ngày càng nghe nhiều hơn về xu hướng hướng nội và xu hướng “Á hóa” của Nhật, sự kết thúc của di sản Nehru và xu hướng “Hindu hóa” của Ấn Độ, sự thất bại của các ý tưởng về chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa dân tộc của phương Tây, từ đó dẫn đến xu hướng “tái Hồi giáo hóa” của vùng Trung Đông, hay cuộc tranh luận về xu hướng “phương Tây hóa” so với “Nga hóa” ở đất nước của Boris Yeltsin. Một phương Tây đang ở đỉnh cao quyền lực đang đối mặt với một thế giới ngoài phương Tây ngày càng có mong muốn, ý chí và các nguồn lực để định hình thế giới theo các cách thức phi phương Tây.

Trong quá khứ, giới tinh hoa của các xã hội phi phương Tây thường là những người có quan hệ mật thiết với phương Tây, được giáo dục tại những ngôi trường như Oxford, Sorbonne hay Sandhurst, hấp thu các quan niệm và giá trị phương Tây. Trong khi đó, dân chúng ở các nước phi phương Tây thường lại thấm nhuần văn hóa bản địa. Tuy nhiên, các mối quan hệ này lại bị đảo ngược. Một quá trình phi phương Tây và bản địa hóa của giới tinh hoa đang diễn ra ở nhiều quốc gia ngoài phương Tây cùng lúc với việc các giá trị văn hóa, phong cách và thói quen của phương Tây, đặc biệt là Mỹ, lại ngày càng trở nên phổ biến với những người dân thường.

Thứ năm, các đặc trưng và khác biệt về văn hóa khó biến đổi, vì vậy việc thỏa hiệp hay giải quyết khó hơn so với các khác biệt về chính trị hay kinh tế. Như ở Liên Xô cũ, những người cộng sản có thể trở thành những người dân chủ, người giàu có thể thành người nghèo và người nghèo có thể giàu lên, nhưng người Nga không thể trở thành người Estonia, cũng như người Azerbaijan không thể trở thành người Armenia. Trong các xung đột về giai cấp và tư tưởng, câu hỏi mấu chốt là “Bạn thuộc phe nào?” và người ta có thể và thực sự đã chọn phe và cả đổi phe. Trong các cuộc xung đột giữa các nền văn minh, câu hỏi đặt ra là “Anh là ai?” Đó là một bản sắc mặc định không thể thay đổi? Như ta đã biết, từ Bosnia, tới khu vực Capcadơ và tới Sudan, trả lời sai câu hỏi trên có thể khiến một viên đạn găm vào đầu người đáp. Hơn cả khía cạnh sắc tộc, tôn giáo phân định con người một cách rõ ràng và riêng biệt. Một người có thể mang hai dòng máu Pháp và Ả Rập và đồng thời là công dân của hai nước nhưng lại khó hơn nhiều để vừa là người Công giáo vừa là người Hồi giáo.

Cuối cùng, chủ nghĩa khu vực về kinh tế đang phát triển. Tỉ trọng của thương mại liên khu vực trong tổng thương mại giai đoạn 1980 – 1989 tăng từ 51% lên 59% ở châu Âu, từ 33% lên 37% ở Đông Á, và từ 32% lên 36% ở Bắc Mỹ. Tầm quan trọng của các khối kinh tế khu vực sẽ tiếp tục gia tăng trong tương lai. Một mặt, sự thành công của chủ nghĩa khu vực kinh tế sẽ củng cố ý thức về bản sắc văn minh. Mặt khác, chủ nghĩa khu vực kinh tế chỉ có thể thành công khi xuất phát điểm của nó là từ một nền văn minh chung. Cộng đồng châu Âu tồn tại dựa trên nền tảng là văn hóa châu Âu và Kitô giáo phương Tây. Hay như thành công của Khu vực Thương mại Tự do Bắc Mỹ (NAFTA) dựa trên sự hội tụ đang diễn ra

giữa các nền văn hóa Mexico, Canada và Mỹ. Ngược lại, Nhật Bản gặp khó khăn trong việc tạo nên một thực thể kinh tế tương tự ở Đông Á bởi vì bản thân Nhật Bản là một xã hội và là một nền văn minh độc nhất, riêng biệt. Cho dù các mối liên kết thương mại và đầu tư của Nhật Bản với các nước Đông Á khác có phát triển tới đâu thì những sự khác biệt văn hóa với các quốc gia này sẽ ngăn cản Nhật thúc đẩy hội nhập kinh tế khu vực như ở châu Âu hay Bắc Mỹ.

Ngược lại, văn hóa chung rõ ràng đang tạo thuận lợi cho sự mở rộng nhanh chóng quan hệ kinh tế giữa Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và Hồng Kông, Đài Loan, Singapore với các cộng đồng Hoa kiều ở các nước châu Á khác. Khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, sự giống nhau về văn hóa ngày càng vượt qua những khác biệt về hệ tư tưởng, mang Trung Hoa đại lục và Đài Loan xích lại gần nhau. Nếu các nét chung về văn hóa là điều kiện tiên quyết cho sự hội nhập kinh tế thì khối kinh tế chính ở Đông Á trong tương lai sẽ có trung tâm là Trung Quốc. Khối này trên thực tế đang được hình thành. Như Murray Weidenbaum nhận xét,

Mặc cho hiện nay Nhật Bản đang thống trị trong khu vực, nền kinh tế dựa vào người Trung Quốc của châu Á đang nổi lên nhanh chóng trở thành trung tâm của các ngành công nghiệp, thương mại và tài chính. Khu vực chiến lược này bao gồm các thành tố đáng kể về trình độ phát triển công nghệ và chế tạo (Đài Loan), khả năng tiếp thị, kinh doanh và dịch vụ nhạy bén (Hồng Kông), một mạng lưới liên lạc tốt (Singapore), một nguồn tài chính dồi dào (cả ba), cũng như nguồn đất đai, tài nguyên và nhân công rộng lớn (Trung Hoa đại lục)... Từ Quảng Châu đến Singapore, từ Kuala Lumpur đến Manila, mạng lưới nhiều ảnh hưởng này – vốn thường dựa vào sự mở rộng các dòng tộc truyền thống – đã được miêu tả như là xương sống của nền kinh tế Đông Á.¹

Văn hóa và tôn giáo đồng thời là nền tảng của Tổ chức Hợp tác Kinh tế (ECO), đem mười nước Hồi Giáo phi Ả Rập gồm Iran, Pakistan, Thổ Nhĩ Kỳ, Azerbaijan, Kazakhstan, Kyrgyzstan, Turkmenistan, Tadjikistan, Uzbekistan và Afghanistan lại gần nhau. Đây là tổ chức được thành lập năm 1960 bởi Thổ Nhĩ Kỳ, Pakistan và Iran. Một động lực cho sự hình thành và mở rộng của tổ chức này là do sự nhận thức của lãnh đạo một vài nước rằng họ không thể gia nhập vào Cộng đồng châu Âu. Tương tự vậy, Caricom, Thị trường chung Trung Mỹ và khối Mercosur cũng dựa trên nền tảng văn hóa chung. Tuy nhiên, cố gắng xây dựng một thực thể kinh tế rộng lớn hơn ở Trung Mỹ và vùng Caribbean làm cầu nối giữa khu vực gốc Anglo và Latinh cho đến nay đã thất bại.

Bởi vì con người tự xác định bản sắc của mình trên khía cạnh dân tộc và tôn giáo, họ có xu hướng thấy một mối quan hệ đối chọi giữa “chúng tôi” với “họ” tồn tại giữa mình với những người thuộc các dân tộc hay tôn giáo khác. Sự sụp đổ của các quốc gia mang bản sắc

¹ Murray Weidenbaum, *Greater China: The Next Economic Superpower?* St. Louis: Washinton University Center for Study of American Business, Contemporary Issues, Tập 57, Tháng 2/1993, trang 2 – 3.

hệ tư tưởng ở Đông Âu và Liên Xô cũ đồng nghĩa với việc vấn đề bản sắc và sự đối chọi về sắc tộc truyền thống nổi lên hàng đầu. Khác biệt về văn hóa và tôn giáo tạo nên những khác biệt về các vấn đề chính sách, từ các vấn đề về quyền con người đến các vấn đề nhập cư, thương mại và giao dịch cho đến các vấn đề về môi trường. Khoảng cách ngăn về mặt địa lý làm gia tăng các yêu sách lãnh thổ xung đột nhau ở Bosnia cho tới Mindanao. Quan trọng nhất, nỗ lực của phương Tây trong việc biến chủ nghĩa dân chủ và tự do thành giá trị toàn cầu, duy trì lợi thế quân sự sẵn có và nâng cao lợi ích kinh tế đang tạo ra sự chống đối từ các nền văn minh khác. Khả năng kêu gọi hỗ trợ và thiết lập các liên minh trên nền tảng hệ tư tưởng giảm xuống đã làm các chính phủ và các nhóm quốc gia phải ngày càng dùng bản sắc văn minh và tôn giáo chung như một cách khác để huy động sự ủng hộ.

Có thể nói, sự xung đột giữa các nền văn minh diễn ra trên hai cấp độ. Ở tầm vi mô, các nhóm nằm ở gần hai bên ranh giới giữa các nền văn minh đấu tranh lẫn nhau, thường là một cách bạo lực, để kiểm soát lãnh thổ của mình và kiểm soát lẫn nhau. Ở cấp độ vĩ mô, các quốc gia ở các nền văn minh khác nhau đấu tranh để giành quyền lực quân sự và kinh tế tương đối, đồng thời còn đấu tranh để kiểm soát của các tổ chức quốc tế và các bên thứ ba, và cạnh tranh nhau để thúc đẩy các giá trị tôn giáo và chính trị cụ thể của mình.

Đường chia cắt giữa các nền văn minh

Kết thúc Chiến tranh Lạnh, ranh giới khác biệt giữa các nền văn minh dần thay thế các ranh giới về chính trị và hệ tư tưởng trở thành các điểm nóng xung đột và đổ máu. Chiến tranh Lạnh bắt đầu khi Bức Màn Sắt được dựng lên phân chia châu Âu theo hệ thống chính trị và hệ tư tưởng, và cũng kết thúc cùng với sự sụp đổ của bức màn này. Khi sự phân chia về hệ tư tưởng ở châu Âu biến mất, sự phân chia về văn hóa ở châu Âu giữa Kitô giáo Tây phương với Chính thống giáo và đạo Hồi lại xuất hiện trở lại. Đường phân chia đáng kể nhất ở châu Âu như William Wallace đã nhận xét là đường biên giới phía Đông của Kitô giáo Tây phương trong năm 1500. Đường này chạy dọc nơi bây giờ là biên giới giữa Phần Lan và Nga và biên giới giữa các nước vùng Baltic với Nga, đi qua Belarus và Ucraina, chia cắt những người Công giáo ở phía Tây Ucraina với người Chính thống giáo ở phía Đông Ucraina, lần sang phía Tây chia cắt Transylvania với phần còn lại của Rumani, sau đó đi xuyên qua Nam Tư dọc theo đường chia cắt Croatia và Slovenia khỏi phần còn lại của Nam Tư. Ở vùng Bancăng, đường này trùng với biên giới lịch sử giữa đế quốc Ottoman và đế chế Hapsburg trong lịch sử. Các dân tộc ở phía Bắc và phía Tây của đường này là theo đạo Tin Lành hay Công giáo, cùng chia sẻ các giá trị lịch sử châu Âu – như chế độ phong kiến, thời kỳ Phục Hưng, cải cách Kháng Cách, thời kỳ Khai Sáng, cách mạng Pháp và cách mạng công nghiệp; họ có điều kiện kinh tế tốt hơn những người ở phương Đông và giờ đây có thể mong muốn tham gia vào nền kinh tế chung châu Âu và củng cố hệ thống chính trị dân chủ. Những người ở phía Đông và Nam đường này lại là người Chính thống giáo hay Hồi giáo, về lịch sử họ thuộc đế quốc Ottoman hay các đế chế thuộc Sa hoàng và chỉ bị tác động nhẹ

bởi các sự kiện diễn ra ở phần còn lại của châu Âu; nền kinh tế của họ kém phát triển hơn và ít có khả năng phát triển các hệ thống chính trị dân chủ ổn định. Đường phân định chính của châu Âu giờ đây là Bức màn Nhung của văn hóa chứ không còn là Bức màn Sắt của hệ tư tưởng như trước kia. Những sự kiện ở Nam Tư cho thấy đó không chỉ là đường phân định sự khác biệt mà có lúc còn là chiến tuyến của xung đột đẫm máu.

Sự khác biệt dẫn đến xung đột giữa nền văn minh phương Tây và nền văn minh Hồi giáo đã diễn ra hơn 1300 năm nay. Sau khi Hồi giáo ra đời, người Ả Rập và người Moor đã xâm nhập về phía Tây và Bắc, và chỉ dừng lại khi lan đến Tours vào năm 732. Từ thế kỷ mười một đến mười ba đội quân Thập tự chinh luôn cố gắng mang Kitô giáo và các giáo lý Kitô đến Vùng đất Thánh nhưng chỉ đạt được các thành công tạm thời. Từ thế kỷ mười bốn đến mười bảy, quân Thổ Ottoman đã đảo ngược thế cân bằng, mở rộng thế lực đến vùng Trung Đông và Bancăng, chiếm Constantinople và hai lần bao vây Viên. Trong thế kỷ mười chín và đầu thế kỷ hai mươi khi sức mạnh của đế quốc Ottoman suy giảm, Anh, Pháp và Ý đã thiết lập sự kiểm soát của phương Tây lên trên khắp vùng Bắc Phi và Trung Đông.

Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, đến lượt phương Tây bắt đầu rút lui, các đế quốc thực dân biến mất; thay vào đó là sự xuất hiện đầu tiên của chủ nghĩa dân tộc Ả Rập và sau đó là trào lưu Hồi giáo chính thống; các nước phương Tây bị phụ thuộc nặng nề vào các nước vùng vịnh Ba Tư trong vấn đề năng lượng; các quốc gia Hồi giáo có nhiều dầu giàu lên về kinh tế, và khi họ muốn, cũng giàu lên cả về vũ khí. Một số cuộc chiến đã xảy ra giữa người Ả Rập và người Israel (vốn được thành lập bởi phương Tây). Đã có một cuộc chiến đẫm máu giữa Pháp và Algeria diễn ra trong suốt những năm 1950; người Anh và Pháp xâm lược Ai Cập năm 1956; lực lượng Mỹ tiến quân vào Libăng năm 1958, sau đó quay trở lại Libăng để tấn công Libya, và tham gia vào nhiều đụng độ quân sự với Iran; quân khủng bố Ả Rập và Hồi giáo, với sự trợ giúp của ít nhất ba chính phủ Trung Đông, đã sử dụng vũ khí của kẻ yếu và đánh bom các máy bay, các cơ sở của phương Tây, và bắt giữ người phương Tây làm con tin. Căng thẳng trong cuộc chiến giữa phương Tây và người Ả Rập lên đỉnh điểm năm 1990 khi Mỹ gửi một lượng quân hùng hậu đến vịnh Ba Tư để bảo vệ một số nước Ả rập khỏi sự xâm lược của một nước Ả rập khác. Hậu quả của kế hoạch này là việc các kế hoạch của NATO ngày càng tập trung vào các mối đe dọa và bất ổn tiềm tàng dọc “biên giới phía nam”.



Các tương tác về quân sự giữa phương Tây và các nước Hồi giáo hàng thế kỷ qua không hề có dấu hiệu suy giảm. Cuộc Chiến tranh vùng Vịnh đã khiến một số người dân Ả Rập tự hào rằng Saddam Hussein đã tấn công Israel và đứng lên chống lại phương Tây. Cuộc chiến cũng khiến nhiều người cảm thấy bị sỉ nhục và giận dữ về việc lực lượng quân đội phương Tây đóng tại vịnh Ba Tư, việc phương Tây đang áp đảo về lực lượng quân sự, và sự bắt lạt của họ vì không thể tự định hình được số phận của mình. Rất nhiều các nước Ả Rập, bên cạnh các nước xuất khẩu dầu mỏ, đang đạt tới trình độ phát triển kinh tế xã hội mà khi đó hình thức chính phủ chuyên chế không còn phù hợp và các nỗ lực xây dựng nền dân chủ sẽ trở nên mạnh mẽ hơn. Một vài cải cách đã được thực hiện trong hệ thống chính trị Ả Rập với kẻ hưởng lợi chính là các phong trào Hồi giáo. Nói một cách ngắn gọn, trong thế giới Ả Rập, chế độ dân chủ của phương Tây đã tạo sức mạnh cho các lực lượng chính trị chống phương Tây. Đây có thể chỉ là một hiện tượng mang tính nhất thời nhưng nó chắc chắn sẽ góp phần làm phức tạp hóa mối quan hệ giữa các nước Hồi giáo với phương Tây.

Các quan hệ này cũng bị phức tạp hóa bởi khía cạnh nhân khẩu học. Sự gia tăng mạnh dân số ở các nước Ả Rập, đặc biệt là ở Bắc Phi, đã dẫn đến việc tăng số lượng người di cư đến Tây Âu. Các diễn tiến trong lòng Tây Âu hướng tới xóa bỏ các ranh giới nội bộ đã làm rõ nét các vấn đề nhạy cảm về chính trị liên quan tới sự gia tăng này. Ở Ý, Pháp và Đức, nạn phân biệt chủng tộc ngày càng công khai, các phản ứng chính trị và bạo lực chống lại người di cư Ả Rập và người Thổ Nhĩ Kỳ trở nên mạnh mẽ và phát triển rộng khắp từ năm 1990.

Mối tương tác giữa Hồi giáo và phương Tây được coi là xung đột giữa các nền văn minh nếu xét từ cách nhìn của cả hai bên. M. J. Akbar, một tác giả Ấn Độ theo Hồi giáo nhận xét “cuộc đối đầu tiếp theo (chống lại phương Tây) chắc chắn sẽ đến từ thế giới Hồi giáo. Tất cả các quốc gia Hồi giáo từ khu vực người Hồi giáo Maghreb (Bắc Phi) tới Pakistan đều cho rằng cuộc chiến cho một trật tự thế giới mới sắp bắt đầu.” Bernard Lewis cũng có một kết luận tương tự:

Chúng ta đang đối mặt với một thái độ và một phong trào vượt xa phạm vi các vấn đề và chính sách, cũng như các chính phủ theo đuổi các chính sách đó. Vấn đề này không là gì khác ngoài cuộc xung đột giữa các nền văn minh – nghe có vẻ vô lý nhưng chắc chắn đó là phản ứng lịch sử của một đối thủ lâu đời đối với các di sản Kitô-Do Thái giáo của chúng ta, hiện trạng thế tục của chúng ta, cũng như sự bành trướng của cả hai yếu tố trên.²

Về mặt lịch sử, một sự tương tác mang tính đối đầu khác với nền văn minh Hồi giáo của người Ả Rập là với những người ngoại đạo, những người theo chủ nghĩa duy linh và đến hiện nay là với những người da đen ngày càng theo Kitô giáo ở phía Nam. Trong quá khứ, sự đối đầu này có thể được miêu tả bằng hình ảnh của những người buôn bán nô lệ Ả Rập và

² Bernard Lewis, “The Roots of Muslim Rage”, *The Atlantic Monthly*, Vol. 266, tháng 9/1990, tr. 60; *Time*, 15/6/1992, tr. 24 - 28

những nô lệ da đen. Nó còn được phản ánh trong một cuộc nội chiến đang diễn ra ở Sudan giữa người Ả Rập và người da đen, trong chiến sự ở Chad giữa quân nổi dậy được Libya ủng hộ và chính phủ nước này, hay căng thẳng giữa người Kitô Chính thống và người Hồi giáo ở vùng Sừng châu Phi, cũng như các xung đột về chính trị, các cuộc bạo loạn và bạo động tái diễn giữa người Hồi giáo và người Kitô giáo ở Nigeria. Quá trình hiện đại hóa của châu Phi và sự truyền bá rộng rãi của đạo Kitô ngày càng có nguy cơ gia tăng xác suất bạo lực dọc theo đường phân cách này. Biểu hiện của sự gia tăng xung đột này là bài diễn văn của Giáo hoàng John Paul II ở Khartoum tháng Giêng năm 1993 công kích các hành động của chính phủ Hồi giáo Sudan chống lại thiểu số người Kitô giáo sống ở đây.

Ở biên giới phía bắc của đạo Hồi, xung đột ngày càng bùng nổ giữa người Kitô Chính thống và người Hồi giáo bao gồm các cuộc tàn sát ở Bosnia và Sarajevo, các vấn đề bạo lực âm ỉ giữa người Serbia và người Albania, quan hệ yếu ớt giữa người Bungari và sắc dân thiểu số người Thổ Nhĩ Kỳ, bạo lực giữa người Ossetia và người Ingushetia, các cuộc tàn sát lẫn nhau liên tiếp giữa người Armenia và người Azerbaijan, quan hệ căng thẳng giữa người Nga và người Hồi giáo ở Trung Á, và việc triển khai quân Nga ở Capcadơ và Trung Á để bảo vệ lợi ích của người Nga ở đây. Tôn giáo củng cố sự hồi sinh của bản sắc sắc tộc và đồng thời cũng khiến người Nga quan ngại hơn về an ninh ở biên giới phía nam. Mọi quan ngại này được Archie Roosevelt tóm gọn như sau:

Phần lớn lịch sử Nga liên quan đến cuộc xung đột giữa người Slavơ và các dân tộc gốc Thổ Nhĩ Kỳ dọc theo các đường biên giới từ thời nhà nước Nga mới thành lập hơn một ngàn năm về trước. Cuộc đối đầu kéo dài hàng thiên niên kỷ giữa người Slavơ với những nước láng giềng phương đông này cung cấp chìa khóa để chúng ta hiểu được cả lịch sử lẫn tính cách Nga. Để hiểu được thực tế nước Nga ngày nay chúng ta bắt buộc phải có những ý niệm về nhóm dân tộc thiểu số gốc Thổ Nhĩ Kỳ vốn đã khiến nước Nga phải bận tâm từ hàng thế kỷ trước.³

Vấn đề xung đột giữa các nền văn minh cũng có gốc rễ sâu xa ở các nước châu Á. Lịch sử xung đột giữa người Hồi giáo và Ấn Độ giáo ở tiểu lục địa không chỉ biểu hiện ở sự đối đầu giữa Pakistan và Ấn Độ ngày nay mà còn ở sự gia tăng xung đột tôn giáo trong lòng Ấn Độ giữa các nhóm chiến binh Ấn giáo và cộng đồng thiểu số người Hồi giáo đáng kể ở Ấn Độ. Việc phá hủy đền thờ Hồi giáo ở Ayodhya tháng 12 năm 1992 đã đưa ra vấn đề nên chăng chuyển Ấn Độ từ một quốc gia dân chủ thế tục thành một quốc gia Ấn giáo. Ở Đông Á, Trung Quốc có các cuộc tranh chấp lãnh thổ nổi bật với phần lớn các nước láng giềng. Quốc gia này đưa ra các chính sách tàn nhẫn với người Phật giáo ở Tây Tạng cũng như với người Hồi giáo gốc Thổ Nhĩ Kỳ. Chiến tranh Lạnh đi qua, những khác biệt ảm sâu giữa Trung Quốc và Mỹ như các vấn đề về quyền con người, thương mại và phổ biến vũ khí lại được khơi gợi lại. Những khác biệt này không dễ được dung hòa. Một “cuộc chiến tranh lạnh mới” đang diễn ra giữa Trung Quốc và Mỹ như lời Đặng Tiểu Bình nhận xét năm 1991.

³ Archie Roosevelt, *For Lust of Knowing*, Boston: Little, Brown, 1998, tr. 332 – 333.

Cụm từ này cũng có thể áp dụng cho mối quan hệ ngày càng khó khăn giữa Nhật Bản và Mỹ. Ở đây khác biệt văn hóa càng làm trầm trọng hơn các xung đột kinh tế. Cư dân của cả hai nước đều có sự phân biệt chủng tộc lẫn nhau, nhưng ít nhất là từ phía Mỹ các ác cảm đến từ văn hóa chứ không phải là sự phân biệt chủng tộc. Các giá trị, thái độ và mẫu hình hành vi cơ bản của hai xã hội hầu như hoàn toàn trái ngược nhau. Các vấn đề kinh tế giữa Mỹ và châu Âu không hề kém nghiêm trọng hơn so với giữa Mỹ và Nhật Bản nhưng hai bên không có mức độ cảm xúc và căng thẳng chính trị như giữa Mỹ và Nhật do khác biệt giữa văn hóa Mỹ và văn hóa châu Âu ít gay gắt hơn nhiều so với giữa nền văn minh Nhật và văn minh Mỹ.

Sự tương tác giữa các nền văn minh là khác nhau ở chỗ các tương tác đó được đặc trưng bằng bạo đến mức nào. Dễ thấy sự cạnh tranh về kinh tế là xu hướng chính trong quan hệ giữa các nền tiểu văn minh phương Tây ở châu Âu và Mỹ, và giữa chúng với Nhật Bản. Tuy nhiên, ở lục địa Á – Âu, sự gia tăng các xung đột sắc tộc, đại diện cục đơan bởi tình trạng “thanh lọc sắc tộc”, xảy ra không phải hoàn toàn ngẫu nhiên. Các cuộc xung đột này diễn ra thường xuyên nhất và bạo lực nhất là giữa các nhóm thuộc các nền văn minh khác nhau. Ở lục địa Á – Âu, đường ranh giới lịch sử giữa các nền văn minh lại một lần nữa bùng cháy thành xung đột. Điều này đặc biệt diễn ra dọc theo biên giới khối Hồi giáo có hình trăng lưỡi liềm trải dài từ phần lõi ra của châu Phi tới Trung Á. Bạo lực còn diễn ra giữa người Hồi giáo với rất nhiều nhóm người khác, như người Serbia theo Chính thống giáo ở vùng Bancăng, người Do Thái ở Israel, với người Ấn giáo ở Ấn Độ, người Phật giáo ở Miến Điện hay với những người Công giáo ở Philippin. Rõ ràng Hồi giáo đã có những đường biên giới đẫm máu.

Tập hợp lực lượng theo nền văn minh: Hiện tượng quốc gia “có họ hàng”

Các nhóm hay quốc gia cùng thuộc một nền văn minh khi tham chiến với các dân tộc đến từ một nền văn minh khác sẽ có xu hướng tập hợp sự ủng hộ từ các quốc gia khác trong cùng nền văn minh của mình. Khi thế giới hậu Chiến tranh Lạnh tiến triển, sự tương đồng về văn minh mà H. D. S. Greenway gọi là hiện tượng “các quốc gia họ hàng” sẽ thay thế ý thức hệ chính trị và cân bằng quyền lực truyền thống trở thành nền tảng chính cho hợp tác và liên minh. Điều này có thể thấy đang dần nổi lên trong các cuộc xung đột hậu Chiến tranh Lạnh ở vùng Vịnh Ba Tư, ở vùng Capcadơ, hay ở Bosnia. Mặc dù những xung đột này không phải là các cuộc chiến tranh toàn diện giữa các nền văn minh, nhưng mỗi cuộc xung đột đều có một vài yếu tố liên quan đến việc tập hợp lực lượng theo nền văn minh, điều dường như càng trở nên quan trọng khi xung đột tiếp diễn, và cũng có thể cho thấy trước hình ảnh của tương lai.

Đầu tiên, trong Chiến tranh vùng Vịnh, một quốc gia Ả Rập xâm lược một nước Ả Rập khác, sau đó phải chiến đấu chống lại một liên minh gồm các nước Ả Rập, phương Tây

và các quốc gia khác. Trong khi chỉ một vài chính phủ Hồi giáo công khai ủng hộ Saddam Hussein, rất nhiều người thuộc giới tinh hoa ở các nước Ả Rập với tư cách cá nhân và cả đông đảo người dân Ả Rập lại công khai ủng hộ Saddam. Các phong trào Hồi giáo chính thống cũng đều đồng nhất ủng hộ Iraq hơn là các chính phủ của Kuwait và Ả Rập Saudi được phương Tây hậu thuẫn. Từ bỏ chủ nghĩa dân tộc Ả Rập, Saddam Hussein công khai dùng tình đoàn kết Hồi giáo để kêu gọi sự ủng hộ. Ông ta và những người ủng hộ cố gắng định hình cuộc chiến như là một cuộc chiến tranh giữa các nền văn minh. Safar Al-Hawali, Trưởng khoa Hồi giáo học thuộc trường Đại học Umm Al-Qura ở Mecca, đã phát biểu trong một cuộn băng được phát hành rộng rãi rằng “Đây không phải là cuộc chiến tranh của thế giới chống lại Iraq mà là cuộc chiến tranh giữa phương Tây và đạo Hồi.” Phớt lờ sự đối địch giữa Iran và Iraq, thủ lĩnh tôn giáo Iran Ayatollah Ali Khamenei đã kêu gọi một cuộc thánh chiến chống lại phương Tây: “Đấu tranh chống lại sự xâm lược, lòng tham, các kế hoạch và chính sách của Mỹ sẽ được coi như là một cuộc thánh chiến (jihad), và bất cứ người nào chết trong cuộc chiến này sẽ được xem là tử vì đạo.” Vua Hussein của Jordan lập luận rằng “Đây là cuộc chiến tranh chống lại tất cả những người Ả Rập và người Hồi giáo chứ không chỉ chống lại một mình Iraq.”

Sự tập hợp của một phần đáng kể giới tinh hoa và công chúng Ả Rập sau lưng Saddam Hussein khiến các chính phủ Ả Rập trong liên minh chống Iraq phải làm dịu bớt các hoạt động và các tuyên bố công khai của mình. Chính phủ các nước Ả Rập hoặc chống đối hoặc tự tách mình ra khỏi các nỗ lực sau đó của phương Tây trong việc gây áp lực lên Iraq, bao gồm thực thi các khu vực cấm bay vào hè năm 1992 hay đánh bom Iraq vào tháng Giêng năm 1993. Liên minh chống Iraq giữa phương Tây – Liên Xô – Thổ Nhĩ Kỳ - Ả Rập được thành lập năm 1990 đến năm 1993 hầu như chỉ còn là liên minh giữa phương Tây với Kuwait chống lại Iraq.

Người Hồi giáo so sánh các hành động của phương Tây chống lại Iraq với việc phương Tây không hành động để bảo vệ người Bosnia trước người Serbia và việc không áp đặt lệnh trừng phạt lên Israel vì Israel vi phạm các nghị quyết của Liên Hợp Quốc. Họ cho rằng phương Tây chủ trương dùng tiêu chuẩn kép. Tuy nhiên, một thế giới của các nền văn minh xung đột lẫn nhau chắc chắn sẽ là một thế giới của những tiêu chuẩn kép: người ta áp dụng một tiêu chuẩn cho các quốc gia họ hàng và một tiêu chuẩn khác cho các nước còn lại.

Thứ hai, triệu chứng “các quốc gia họ hàng” cũng xuất hiện trong các cuộc xung đột ở Liên Xô cũ. Thành công quân sự của Armenia năm 1992 và năm 1993 đã kích thích Thổ Nhĩ Kỳ gia tăng ủng hộ các nhóm dân cư có tôn giáo, sắc tộc và ngôn ngữ gốc Thổ ở Azerbaijan. Một quan chức Thổ Nhĩ Kỳ đã tuyên bố vào năm 1992: “Chúng tôi có một tình cảm dân tộc Thổ tương đồng với tình cảm của người Azerbaijan. Chính vì vậy chúng tôi chịu áp lực khi mà báo chí đưa ra nhiều các hình ảnh về các tội ác tàn bạo và chỉ trích chúng tôi định giữ chính sách trung lập đến bao giờ. Tôi nghĩ chúng tôi cần cho Armenia biết có một nước lớn Thổ Nhĩ Kỳ trong khu vực.” Tổng thống Turgut Özal cũng đồng ý, nhấn mạnh

rằng Thổ Nhĩ Kỳ ít nhất nên “làm cho Armenia nể sợ một chút”. Özal đe dọa một lần nữa vào năm 1993 rằng Thổ Nhĩ Kỳ sẽ “khoe nanh vuốt”. Các máy bay phản lực của Không quân Thổ Nhĩ Kỳ đã bay trinh sát dọc biên giới với Armenia; Thổ Nhĩ Kỳ cũng tạm dừng việc vận chuyển lương thực và các chuyến bay đến Armenia; đồng thời Thổ Nhĩ Kỳ và Iran tuyên bố họ sẽ không chấp nhận sự tan rã của Azerbaijan. Trong những năm cuối trước khi sụp đổ, chính quyền Liên Xô cũng ủng hộ Azerbaijan bởi chính quyền nước này do những người cộng sản cũ kiểm soát. Tuy nhiên, với sự sụp đổ của Liên Xô, những cân nhắc về chính trị đã nhường chỗ cho các cân nhắc về tôn giáo. Quân đội Nga chuyển sang chiến đấu cạnh người Armenia, và Azerbaijan cáo buộc “chính phủ Nga thay đổi 180 độ” quay sang ủng hộ những người Armenia theo Công giáo.

Thứ ba, đối với cuộc chiến ở Nam Tư cũ, cộng chúng phương Tây bày tỏ sự cảm thông và ủng hộ những người Hồi giáo Bosnia và những nỗi đau mà họ trải qua dưới sự thống trị của người Serbia. Tuy nhiên, họ ít thể hiện sự quan ngại đối với những cuộc tấn công của người Croatia đối với người Hồi giáo và sự tham gia của Croatia vào sự tan rã của Bosnia-Herzegovina. Vào thời kỳ đầu khi Nam Tư bị chia cắt, trong một sáng kiến và nỗ lực ngoại giao hiếm thấy của mình, Đức đã tác động để 11 nước khác thuộc Cộng đồng châu Âu cùng công nhận Slovenia và Croatia. Bản thân Vatican cũng công nhận hai nước này trước cả Cộng đồng châu Âu bởi Đức Giáo hoàng quyết tâm ủng hộ mạnh mẽ hai nước Công giáo này. Mỹ tiếp bước châu Âu cũng công nhận hai nước này. Như vậy các quốc gia chính của nền văn minh phương Tây đã tập hợp nhau lại với những người cùng tôn giáo. Sau đó Croatia được cho là nhận được một lượng lớn vũ khí từ Trung Âu và các nước phương Tây khác. Mặt khác, chính phủ Boris Yeltsin lại muốn thi hành chính sách trung hòa, vừa ủng hộ những người Serbia Chính thống giáo vừa không muốn tách Nga ra khỏi phương Tây. Dù vậy các nhóm bảo thủ và dân tộc chủ nghĩa ở Nga trong đó có cả những nhà lập pháp đã công kích chính phủ vì đã không giúp đỡ người Serbia một cách công khai. Vào đầu năm 1993 có hàng trăm người Nga rõ ràng đang phục vụ trong quân đội Serbia và có các báo cáo cho thấy vũ khí của Nga cũng được cung cấp cho Serbia.

Trong khi đó, các chính phủ và các nhóm Hồi giáo lại chỉ trích phương Tây vì không bảo vệ người Bosnia. Các nhà lãnh đạo Iran hối thúc những người Hồi giáo trên khắp thế giới giúp đỡ Bosnia; không những vậy bất chấp lệnh cấm vận vũ khí của Liên Hiệp Quốc Iran vẫn chuyển vũ khí và binh sĩ cho Bosnia; ngoài ra các nhóm ở Libăng được Iran hậu thuẫn còn gửi quân du kích đến giúp đào tạo và tổ chức quân đội Bosnia. Vào năm 1993 có hơn 4.000 người Hồi giáo đến từ hơn 24 nước theo đạo Hồi được cho là đang tham gia chiến đấu ở Bosnia. Chính phủ Ả Rập Saudi cùng các quốc gia khác phải chịu áp lực ngày càng tăng từ các nhóm theo trào lưu chính thống trong nước về việc phải tăng thêm hỗ trợ cho Bosnia. Tới cuối năm 1992, Ả Rập Saudi đã cung cấp một lượng đáng kể tài chính để mua vũ khí và đồ tiếp tế cho người Bosnia, giúp họ gia tăng các năng lực quân sự so với người Serbia.

Trong những năm 1930 cuộc nội chiến Tây Ban Nha đã kích động sự can thiệp của các nước mà về mặt chính trị là theo chủ nghĩa phát xít, cộng sản và cả dân chủ. Trong những năm 1990 xung đột ở Nam Tư cũ cũng đã dẫn tới sự can thiệp của các nước Hồi giáo, Chính thống giáo và các nước Công giáo phương Tây. Sự tương đồng này rất đáng chú ý. Một biên tập viên người Ả Rập Saudi nhận định “Chiến tranh ở Bosnia – Herzegovina đã trở thành một bản sao về tình cảm của cuộc chiến chống chủ nghĩa phát xít trong cuộc nội chiến Tây Ban Nha. Và những người chết trong cuộc chiến được xem là những người tử vì đạo đang cố gắng bảo vệ những người anh em Hồi giáo.”

Xung đột và bạo lực cũng sẽ diễn ra giữa các quốc gia và nhóm trong cùng một nền văn minh. Tuy nhiên những cuộc xung đột này có khả năng không gay gắt và lan rộng như xung đột giữa các nền văn minh với nhau. Việc cùng là thành viên trong một nền văn minh với nhau sẽ làm giảm khả năng bạo lực trong những trường hợp mà nếu không thì bạo lực đã xảy ra. Trong năm 1991 và 1992, rất nhiều người đã được cảnh báo về khả năng xảy ra xung đột bạo lực giữa Nga và Ucraina về vấn đề lãnh thổ, đặc biệt là vấn đề bán đảo Crimea, hạm đội Biển Đen, vấn đề vũ khí hạt nhân và các vấn đề về kinh tế. Tuy nhiên, nếu yếu tố nền văn minh thực hiện được vai trò của mình thì xung đột bạo lực giữa hai nước sẽ rất khó xảy ra. Dân cư cả hai nước đều là người Slavơ, đa số là người theo Chính thống giáo và có quan hệ gần gũi từ lâu đời. Chính vì vậy mà tới đầu năm 1993, dù có đủ các lý do để xung đột diễn ra thì lãnh đạo hai nước trên thực tế vẫn có thể đàm phán và xoa dịu tình hình. Trong khi diễn ra những xung đột lớn giữa người Hồi giáo và người Công giáo ở các nơi khác thuộc Liên Xô cũ cũng như căng thẳng và thậm chí đụng độ giữa người Kitô giáo phương Tây và Kitô giáo Chính thống ở các nước vùng Baltic thì hầu như giữa người Nga và người Ukraina vẫn không xảy ra xung đột bạo lực.

Việc tập hợp lực lượng theo các nền văn minh đến nay còn ít diễn ra, tuy nhiên nó vẫn ngày một gia tăng và rất có thể sẽ lan rộng hơn nữa. Khi xung đột ở vùng vịnh Ba Tư, vùng Capcadơ hay Bosnia tiếp diễn, lập trường của các quốc gia và sự phân tách giữa chúng đều diễn ra dọc theo đường ranh giới giữa các nền văn minh. Các nhà chính trị dân túy, các lãnh đạo tôn giáo hay giới truyền thông nhờ đó mà tìm ra được các phương tiện mạnh mẽ để thu hút sự ủng hộ của quần chúng hay gây áp lực với các chính phủ còn do dự. Trong những năm tới, những xung đột cục bộ có khả năng leo thang trở thành những cuộc chiến tranh lớn sẽ là những xung đột diễn ra dọc theo ranh giới giữa các nền văn minh như ở Bosnia và Capcadơ. Nếu xảy ra chiến tranh thế giới lần thứ ba thì đó sẽ là chiến tranh giữa các nền văn minh.

Phương Tây đối đầu với phần còn lại của thế giới

Phương Tây hiện nay đang ở đỉnh cao quyền lực so với các nền văn minh khác. Đối thủ siêu cường của nó đã biến mất trên bản đồ. Xung đột quân sự giữa các quốc gia phương Tây với

nhau là chuyện không tưởng, và nền quân sự của phương Tây là không có đối thủ. Trừ Nhật Bản, phương Tây không phải đối mặt với các vấn đề kinh tế. Nó chiếm ưu thế trong các thể chế chính trị và an ninh quốc tế, và cùng với Nhật Bản áp đảo các tổ chức kinh tế quốc tế. Các vấn đề chính trị và an ninh toàn cầu được giải quyết hiệu quả bởi một ban quản lý gồm Mỹ, Anh và Pháp, các vấn đề kinh tế được điều chỉnh bởi Mỹ, Đức và Nhật Bản, và tất cả các nước này đều giữ mối liên hệ chặt chẽ với nhau khiến các quốc gia phi phương Tây bị gạt ra lề. Các quyết định của Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc hay Quỹ Tiền tệ Quốc tế vốn phản ánh mong muốn của phương Tây nhưng lại được giới thiệu với thế giới là phản ánh nguyện vọng của toàn thể cộng đồng quốc tế. Cụm từ “cộng đồng thế giới” đã trở thành một danh từ chung mang tính phiếm chỉ (thay thế cho cụm từ “Thế giới tự do”) để mang lại tính chính danh toàn cầu cho các hành động phản ánh lợi ích của Mỹ và các cường quốc phương Tây khác.⁴ Qua IMF và các thể chế kinh tế quốc tế khác, phương Tây thúc đẩy các lợi ích kinh tế của bản thân và áp đặt lên các nước những chính sách kinh tế mà nó cho là phù hợp. Trong bất cứ cuộc thăm dò ý kiến nào ở các nước phi phương Tây, IMF chắc chắn sẽ chiếm được sự ủng hộ của các bộ trưởng tài chính và một vài người khác nhưng sẽ nhận được đánh giá chủ yếu tiêu cực từ những người còn lại, những người vốn đồng ý với cách Georgy Arbatov miêu tả các quan chức IMF như là “những người Bolshevik mới thích sung công tài sản của người khác, áp đặt các quy định phi dân chủ và xa lạ về cách thức điều hành kinh tế và chính trị, đồng thời bóp nghẹt tự do về kinh tế.”

Sự áp đảo của phương Tây đối với Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc cũng như các quyết định của nó, ngoại trừ đôi lần Trung Quốc bỏ phiếu trắng, đã tạo nên tính chính danh cho phương Tây trong việc sử dụng vũ lực để buộc Iraq rút ra khỏi Kuwait và giải trừ các vũ khí tinh vi của Iraq cũng như loại bỏ khả năng sản xuất ra những vũ khí như vậy của nước này. Điều này cũng dẫn đến các hành động chưa từng có tiền lệ của Mỹ, Pháp và Anh trong việc buộc Hội đồng Bảo an yêu cầu Libya giao nộp các nghi can đánh bom chuyến bay Pan Am 103 và sau đó áp đặt lệnh trừng phạt với Libya khi nước này từ chối thực hiện. Sau khi đánh bại quân đội Ả Rập hùng hậu nhất, các nước phương Tây không hề ngần ngại tìm cách gây ảnh hưởng khắp thế giới Ả Rập. Như vậy phương Tây trên thực tế đã dùng các tổ chức quốc tế, sức mạnh quân sự và các nguồn lực kinh tế để điều khiển thế giới theo cách nhằm duy trì địa vị áp đảo của phương Tây, bảo vệ các lợi ích phương Tây và thúc đẩy các giá trị kinh tế và chính trị của phương Tây.

Trên đây ít nhất là cách mà người dân các nước phi phương Tây nhìn nhận thế giới mới, và có một phần sự thật đáng kể trong quan điểm của họ. Chính vì vậy sự khác biệt về sức mạnh, và sự đấu tranh để giành quyền lực kinh tế, chính trị và thể chế là một nguồn của

⁴ Hầu như đồng loạt các lãnh đạo phương Tây tuyên bố rằng họ đang hành động thay mặt “cộng đồng thế giới”. Một sự khác biệt nhỏ diễn ra trong thời kỳ dẫn tới Chiến tranh vùng Vịnh. Trong một cuộc phỏng vấn trên chương trình “Good Morning America” ngày 21/12/1990, Thủ tướng Anh John Major đã nhắc tới các hành động mà “phương Tây” đang thực hiện chống lại Saddam Hussein. Ông nhanh chóng sửa lại và sau đó nhắc tới “cộng đồng thế giới”. Tuy nhiên ông đã đúng khi lỡ miệng nói như vậy.

xung đột giữa phương Tây với các nền văn minh khác. Các khác biệt về văn hóa, nghĩa là những giá trị và niềm tin cơ bản, đã trở thành nguồn thứ hai của xung đột. V. S. Naipaul cho rằng văn minh phương Tây là “nền văn minh phổ quát” “phù hợp với tất cả mọi người”. Nhìn ở bề nổi của vấn đề thì một phần lớn văn hóa phương Tây đang xâm nhập vào phần còn lại của thế giới. Nhưng ở một cấp độ sâu sắc hơn thì có thể thấy các quan niệm của phương Tây khác biệt một cách cơ bản với các quan niệm thịnh hành ở các nền văn minh khác. Quan niệm của phương Tây về chủ nghĩa cá nhân, về chủ nghĩa tự do, chủ nghĩa lập hiến, quyền con người, sự bình đẳng, tự do, nền pháp trị, nền dân chủ, thị trường tự do, sự tách biệt giữa nhà nước với nhà thờ, tất cả thường có ít tương đồng trong các nền văn hóa Hồi giáo, Nho giáo, Nhật Bản, Ấn giáo, Phật giáo và Chính thống giáo. Các nỗ lực của phương Tây trong việc truyền bá những giá trị này tạo ra một sự phản kháng chống lại “chủ nghĩa đế quốc nhân quyền” và sự nhấn mạnh thêm các giá trị bản địa như có thể thấy qua trào lưu ủng hộ chủ nghĩa chính thống trong tôn giáo của giới trẻ ở các nước phi phương Tây. Khái niệm rằng có thể có một “nền văn minh phổ quát” là một ý tưởng phương Tây, hoàn toàn mâu thuẫn với tính chất đặc trưng riêng biệt của các xã hội châu Á cũng như sự nhấn mạnh của họ vào sự khác biệt giữa từng người với nhau. Thực tế, một tác giả đã từng xem xét hơn 100 nghiên cứu so sánh về giá trị trong các xã hội khác nhau đã kết luận rằng “các giá trị được cho là quan trọng ở phương Tây lại là kém quan trọng nhất ở các nước khác”.⁵ Dễ thấy trong lĩnh vực chính trị những sự khác biệt này biểu hiện rõ nhất ở việc Mỹ và các cường quốc phương Tây khác cố gắng khuyến dụ các dân tộc khác áp dụng các ý tưởng phương Tây về dân chủ và nhân quyền. Mô hình chính phủ dân chủ hiện đại bắt nguồn từ phương Tây. Dù mô hình đó đã phát triển ở các xã hội phi phương Tây thì nó thường là sản phẩm của chủ nghĩa thực dân hay sự áp đặt của phương Tây.

Theo Kishore Mahbubani thì trục trung tâm của thế giới chính trị trong tương lai rất có thể sẽ là xung đột giữa “phương Tây và các nước còn lại” và phản ứng của các nền văn minh phi phương Tây với quyền lực và các giá trị của các nước phương Tây.⁶ Những phản ứng này thường gồm một hoặc là sự kết hợp của ba hình thức. Ở một thái cực, các quốc gia phi phương Tây như Myanmar hay Bắc Triều Tiên luôn cố gắng theo đuổi chính sách biệt lập để cách ly xã hội mình khỏi sự thâm nhập hay “tha hóa” bởi các nước phương Tây và trên thực tế chọn cách không tham gia vào cộng đồng toàn cầu do các nước phương Tây chi phối. Để đạt được chính sách này các nước phải trả giá khá cao, và chỉ một số ít các nước theo đuổi chính sách này. Lựa chọn thứ hai tương tự như “phù thịnh” (band wagoning) trong lý thuyết quan hệ quốc tế, là cố gắng hòa nhập với phương Tây và chấp nhận các giá trị và thể chế của nó. Lựa chọn thứ ba là cố gắng để “cân bằng” với phương Tây bằng cách phát triển sức mạnh kinh tế và quân sự và liên kết với các nước phi phương Tây khác để chống

⁵ Harry C. Triandis, *The New York Times*, 25/12/1990, tr. 41 và “Cross-Cultural Studies of Individualism and Collectivism,” *Nebraska Symposium on Motivation*, Vol. 37, 1989, tr. 41-133.

⁶ Kishore Mahbubani, “The West and the Rest”, *The National Interest*, Hè 1992, tr. 3-13.

lại phương Tây trong khi vẫn giữ vững các thể chế và các giá trị bản địa, hay nói một cách ngắn gọn là hiện đại hóa nhưng không phương Tây hóa.

Những quốc gia bị chia rẽ

Trong tương lai, khi mà con người phân biệt với nhau bởi nền văn minh thì các quốc gia rộng lớn với nhiều dân tộc thuộc các nền văn minh khác nhau, điển hình như Liên Xô và Nam Tư, sẽ là những nước có khả năng bị phân cắt cao nhất. Một số quốc gia khác dù có sự đồng nhất tương đối về văn hóa nhưng lại bị phân cắt về việc xã hội của họ nên thuộc về nền văn minh nào. Đây chính là các quốc gia bị chia rẽ. Các nhà lãnh đạo của họ thường muốn đi theo chiến lược phù thịnh và đưa quốc gia của mình trở thành thành viên của phương Tây, nhưng lịch sử, văn hóa và truyền thống của họ lại phi phương Tây. Quốc gia bị chia rẽ tiêu biểu và dễ thấy nhất chính là Thổ Nhĩ Kỳ. Vào những năm cuối thế kỷ hai mươi các nhà lãnh đạo Thổ Nhĩ Kỳ đã chọn đi theo truyền thống Atatürk và định nghĩa Thổ Nhĩ Kỳ như là một quốc gia phương Tây thế tục, hiện đại. Họ đưa Thổ Nhĩ Kỳ tham gia vào liên minh quân sự NATO và tham gia cuộc Chiến tranh vùng Vịnh cùng với phương Tây; Thổ Nhĩ Kỳ cũng nộp đơn xin gia nhập Cộng đồng châu Âu. Tuy nhiên cùng lúc đó, nhiều thành phần trong xã hội Thổ Nhĩ Kỳ lại mong muốn sự hồi sinh của đạo Hồi và lập luận rằng Thổ Nhĩ Kỳ về cơ bản là một xã hội Hồi giáo Trung Đông. Thêm vào đó, trong khi giới tinh hoa ở Thổ Nhĩ Kỳ tự nhận nước này là một xã hội theo kiểu phương Tây thì chính giới tinh hoa của phương Tây lại không chấp nhận điều này. Chính vì vậy Thổ Nhĩ Kỳ sẽ không trở thành thành viên của Cộng đồng châu Âu, và lý do thật sự theo thủ tướng Özal nói “là do chúng ta theo đạo Hồi và họ theo đạo Kitô, chỉ là họ không nói ra điều này.” Từ chối thánh địa Mecca rồi sau đó lại bị Brussels từ chối, Thổ Nhĩ Kỳ có thể trông chờ vào đâu? Tashkent chính là câu trả lời. Sự sụp đổ của Liên Xô đã cho Thổ Nhĩ Kỳ cơ hội trở thành lãnh đạo thực sự của bảy quốc gia từ biên giới Hy Lạp đến biên giới với Trung Quốc trong việc hồi sinh lại nền văn minh Thổ Nhĩ Kỳ. Cùng với sự ủng hộ của phương Tây, Thổ Nhĩ Kỳ đang rất vất vả để tạo ra bản sắc mới này cho chính mình.

Trong thập niên qua tình hình của Mexico cũng phần nào giống với Thổ Nhĩ Kỳ. Cũng như việc Thổ Nhĩ Kỳ từ bỏ việc đối lập truyền thống với châu Âu và mong muốn gia nhập vào châu Âu, Mexico cũng ngừng việc tự xác định mình ở vị trí đối lập với Mỹ, thay vào đó cố gắng noi gương Mỹ và tham gia vào Khu vực Thương mại Tự do Bắc Mỹ. Các nhà lãnh đạo Mexico đã cố gắng định nghĩa lại bản sắc của Mexico và đưa ra các cải cách cơ bản về kinh tế mà từ đó sẽ dẫn đến các thay đổi sâu sắc về chính trị. Năm 1991, cố vấn hàng đầu của tổng thống Carlos Salinas de Gortari đã miêu tả chi tiết cho tôi thấy tất cả những thay đổi mà chính quyền của Salinas đang thực hiện. Khi ông kể xong, tôi nhận xét: “Rất ấn tượng. Tôi cảm nhận rằng các ông về cơ bản đang muốn biến Mexico từ một quốc gia Mỹ Latinh thành một nước Bắc Mỹ.” Ông ấy nhìn tôi ngạc nhiên và kêu lên: “Đúng vậy! Đó chính xác là điều chúng tôi đang cố gắng làm, dù tất nhiên chúng tôi không bao giờ nói như

vậy một cách công khai.” Như câu nói của ông chỉ ra, ở Mexico cũng như ở Thổ Nhĩ Kỳ, rất nhiều thành phần trong xã hội chống lại việc định nghĩa lại bản sắc dân tộc. Ở Thổ Nhĩ Kỳ, các nhà lãnh đạo muốn hướng Thổ Nhĩ Kỳ theo châu Âu phải thực hiện những động thái xoa dịu với đạo Hồi (như cuộc hành hương của Özal đến Mecca); cũng như việc những nhà lãnh đạo muốn hướng Mexico trở thành một nước Bắc Mỹ phải có động thái đặc biệt với những người vẫn mong muốn giữ lại bản sắc Mỹ Latinh của Mexico (như việc Salinas dự hội nghị thượng đỉnh của các nước châu Mỹ có nguồn gốc từ bán đảo Iberia ở Guadalajara).

Trong lịch sử thì Thổ Nhĩ Kỳ là quốc gia bị chia cắt rõ rệt nhất. Đối với Mỹ thì Mexico là quốc gia bị chia rẽ gần nhất. Trên tầm toàn cầu thì quốc gia bị chia cắt quan trọng nhất lại là nước Nga. Câu hỏi Nga là một phần của phương Tây hay là lãnh đạo của nền văn minh Slavơ – Chính thống giáo đã từng được đưa ra trong lịch sử. Vấn đề đó bị che khuất bởi chiến thắng của chủ nghĩa cộng sản ở Nga, vốn nhập khẩu một ý thức hệ phương Tây vào, điều chỉnh nó cho thích ứng với điều kiện của Nga và sau đó lại thách thức phương Tây nhân danh hệ tư tưởng đó. Sự thống trị của chủ nghĩa cộng sản đã chấm dứt cuộc tranh luận lâu nay về việc nên phương Tây hóa hay Nga hóa đất nước. Khi mà chủ nghĩa cộng sản bị thất sủng, nước Nga lại một lần nữa đối mặt với câu hỏi trên.

Tổng thống Yeltsin đang áp dụng các mục tiêu, nguyên tắc phương Tây với mong muốn biến Nga trở thành một quốc gia “bình thường” và là một phần của phương Tây. Tuy nhiên cả giới tinh hoa lẫn những người dân Nga bình thường cũng bị chia rẽ vì vấn đề này. Trong số những người phản đối ôn hòa, Sergei Stankevich cho rằng Nga cần phải từ bỏ văn hóa “Đại Tây Dương”, vì điều này sẽ khiến Nga “trở thành một nước châu Âu, một phần của nền kinh tế thế giới một cách nhanh chóng và có tổ chức, và trở thành thành viên thứ tám của nhóm G-7, và đặc biệt phải nhấn mạnh vai trò của Đức và Mỹ như là hai thành viên áp đảo của liên minh Đại Tây Dương.” Trong khi bác bỏ các chính sách hoàn toàn theo kiểu Á-Âu, Stankevich lại cho rằng Nga nên ưu tiên việc bảo vệ người Nga đang sinh sống ở các nước khác, đặc biệt nhấn mạnh mối liên hệ với người Thổ Nhĩ Kỳ và người Hồi giáo, và thúc đẩy “một sự phân phối lại nguồn lực một cách đáng kể, các lựa chọn, các mối quan hệ và các lợi ích hướng tới châu Á, hướng tới phương Đông”. Những người đi theo suy nghĩ này chỉ trích Yeltsin đã hạ thấp quyền lợi của Nga so với quyền lợi của phương Tây, làm giảm đi sức mạnh quân sự của Nga, không hỗ trợ các bạn bè truyền thống như Serbia, và thúc đẩy các cải cách kinh tế và chính trị theo những cách gây thương tổn cho người Nga. Xu hướng này được thể hiện rõ trong việc các ý tưởng của Petr Savitsk, người mà trong những năm 1920 cho rằng Nga là một nền văn minh Á-Âu độc nhất vô nhị, trở nên phổ biến trở lại.⁷ Những người phản đối cực đoan hơn đưa ra các ý kiến mang tính dân tộc chủ nghĩa, bài phương Tây và bài Do Thái mạnh mẽ hơn, thúc dục Nga phát triển lại sức mạnh quân sự và thiết lập quan hệ chặt chẽ hơn với Trung Quốc và các nước Hồi giáo. Người dân Nga

⁷ Sergei Stankevich, “Russia in Search of Itself,” *The National Interest*, Hè 1992, tr. 47-51; Daniel Schneider, “A Russian Movement Rejects Western Tilt,” *Christian Science Monitor*, 5/2/1993, tr. 5-7.

cũng như giới tinh hoa Nga đã bị chia rẽ. Một cuộc thăm dò ý kiến ở Nga phần thuộc châu Âu vào mùa xuân năm 1992 cho thấy 40 phần trăm dân số có thái độ tích cực đối với phương Tây còn 36 phần trăm có thái độ tiêu cực. Như đã diễn ra trong phần lớn lịch sử, nước Nga đầu những năm 1990 thực sự là một quốc gia bị chia cắt.

Để định nghĩa lại bản sắc nền văn minh, một quốc gia bị chia cắt phải đáp ứng được ba điều kiện. Đầu tiên, giới tinh hoa về chính trị và kinh tế phải ủng hộ và nhiệt tình thực hiện sự thay đổi này. Thứ hai, quần chúng cũng phải sẵn lòng chấp nhận sự thay đổi. Thứ ba, nhóm chiếm đa số trong nền văn minh mà nước đó sẽ chuyển sang phải sẵn sàng đón nhận sự chuyển đổi này. Ba điều kiện này nhìn chung có tồn tại ở Mexico. Hai điều kiện đầu tiên có thể coi là có ở Thổ Nhĩ Kỳ. Nhưng không rõ là có bất kỳ điều kiện nào ở trên tồn tại đối với việc Nga muốn gia nhập thế giới phương Tây hay không. Xung đột giữa dân chủ tự do và chủ nghĩa Mác – Lênin là xung đột về hệ tư tưởng mà bất chấp các khác biệt cơ bản vẫn vờ như chia sẻ các mục tiêu cuối cùng về tự do, bình đẳng và thịnh vượng. Một nước Nga truyền thống, độc tài và dân tộc chủ nghĩa sẽ có những mục tiêu khác biệt. Một nhà dân chủ phương Tây có thể tiến hành một cuộc tranh luận tư tưởng với một nhà Mácxít Xô viết. Nhưng anh ta hầu như không thể làm được điều đó với một người Nga theo chủ nghĩa truyền thống. Nếu người Nga không còn theo chủ nghĩa Mác nữa thì họ sẽ bác bỏ dân chủ tự do và bắt đầu cư xử lại như người Nga chứ không phải như những người phương Tây, và quan hệ giữa phương Tây và Nga vì vậy có thể một lần nữa trở nên xa cách và xung đột.⁸

Mối liên hệ giữa Nho giáo và Hồi giáo

Các trở ngại ngăn một nước phi phương Tây tham gia vào cộng đồng phương Tây là khác nhau với các nước khác nhau. Các trở ngại này là ít nhất đối với các nước Mỹ Latinh và Đông Âu, lớn hơn với các nước Chính thống giáo thuộc Liên Xô cũ, và thậm chí lớn hơn nữa với các nước Hồi giáo, Nho giáo, Ấn giáo và Phật giáo. Nhật Bản đã thiết lập một vị trí đặc biệt cho mình như là một thành viên liên kết với phương Tây: ở một số khía cạnh nó giống với phương Tây nhưng rõ ràng không phải là phương Tây trên những khía cạnh quan trọng khác. Những quốc gia vì các lý do về văn hóa và sức mạnh mà không muốn hay không thể gia nhập vào phương Tây sẽ cạnh tranh với phương Tây bằng cách tự phát triển sức mạnh chính trị, kinh tế và quân sự riêng. Các nước đó làm điều này bằng cách tự phát triển trong nước hay hợp tác với các nước phi phương Tây khác. Hình thái nổi bật nhất của sự

⁸ Owen Harries đã chỉ ra rằng Úc đang cố gắng (mà theo quan điểm của Harry là không thông minh lắm) trở thành một đất nước bị chia rẽ theo chiều hướng ngược lại. Dù cho Úc đã là thành viên đầy đủ của không chỉ phương Tây mà còn là một thành viên nòng cốt về quân sự và tình báo của khối ABCA (Mỹ, Anh, Canada, Australia), các lãnh đạo đương thời của Úc trên thực tế lại đang muốn đào ngũ khỏi phương Tây, tự định nghĩa lại mình như một nước châu Á và gây dựng mối quan hệ gần gũi với các nước láng giềng. Theo họ thì tương lai của Úc sẽ phụ thuộc vào các nền kinh tế năng động ở Đông Á. Nhưng như tôi đã đề cập, để có được sự hợp tác chặt chẽ về kinh tế thì cần những nền tảng văn hóa chung. Hơn nữa, không có điều kiện nào trong cả ba điều kiện cần thiết để một nước bị chia rẽ tham gia vào một nền văn minh khác tồn tại trong trường hợp của Úc.

hợp tác này là mối liên hệ Nho giáo – Hồi giáo đang ngày càng có xu hướng nổi lên thử thách các lợi ích, giá trị và sức mạnh của phương Tây.

Hầu như không có ngoại lệ, các nước phương Tây đang ngày càng giảm sức mạnh quân sự, và nước Nga dưới sự lãnh đạo của Yeltsin cũng vậy. Tuy nhiên các nước như Trung Quốc, Bắc Hàn và một vài nước Trung Đông lại đang liên tục tăng cường khả năng quân sự của mình. Họ đang thực hiện điều này bằng cách nhập khẩu vũ khí từ các nước phương Tây và phi phương Tây, bên cạnh việc phát triển ngành công nghệ chế tạo vũ khí trong nước. Kết quả là sự xuất hiện của điều mà Charles Krauthammer gọi là “các quốc gia vũ khí”, và các quốc gia này hoàn toàn không phải là các nước phương Tây. Một kết quả khác là sự định nghĩa lại về khái niệm “quản lý vũ khí”, vốn là một khái niệm của phương Tây với các mục tiêu phương Tây. Trong suốt Chiến tranh Lạnh, mục đích cơ bản của việc kiểm soát vũ khí là thiết lập một sự cân bằng quân sự ổn định giữa Mỹ cùng đồng minh với Liên Xô và các đồng minh. Trong thế giới thời hậu Chiến tranh Lạnh thì việc kiểm soát vũ khí là để ngăn sự phát triển năng lực quân sự của các nước phi phương Tây vốn có thể đe dọa lợi ích các nước phương Tây. Phương Tây cố gắng thực hiện điều này qua các điều ước quốc tế, các áp lực về kinh tế và sự kiểm soát việc chuyển giao vũ khí cũng như công nghệ sản xuất vũ khí.

Xung đột giữa phương Tây và các quốc gia Nho giáo – Hồi giáo tập trung chính nhưng không phải là duy nhất vào vấn đề vũ khí hạt nhân, hóa học và sinh học, tên lửa đạn đạo và các phương tiện tinh vi để chuyên chở chúng, cùng với các năng lực dẫn đường, tình báo và các năng lực điện tử khác giúp đạt được mục tiêu này. Phương Tây đã đưa vấn đề không phổ biến vũ khí thành một chuẩn mực toàn cầu và các hiệp ước không phổ biến vũ khí hay các cuộc thanh sát trở thành phương tiện thực hiện chuẩn mực đó. Phương Tây còn đe dọa thực hiện các biện pháp trừng phạt chống lại những nước dám phổ biến các vũ khí tinh vi và đưa ra những lợi ích cho những nước không vi phạm điều này. Cho nên sự chú ý của phương Tây sẽ tập trung tự nhiên vào các quốc gia đang và sẽ có khả năng thù địch với phương Tây.

Tuy nhiên các quốc gia phi phương Tây lại mong muốn chứng tỏ quyền của mình trong việc có được và triển khai bất cứ loại vũ khí nào mà họ nghĩ là cần thiết đối với an ninh nước mình. Họ cũng thẩm thấu chân lý trong câu trả lời của Bộ trưởng Quốc phòng Ấn Độ khi ông được hỏi về bài học rút ra từ Chiến tranh vùng Vịnh: “Đừng đánh nhau với Mỹ nếu bạn không có vũ khí hạt nhân.” Vũ khí hạt nhân, vũ khí hóa học hay tên lửa được xem là sự cân bằng lý tưởng đối với sức mạnh truyền thống vượt trội của phương Tây, dù cho sự đúng đắn của quan điểm này cần được xem lại. Trung Quốc, đương nhiên, đã có vũ khí hạt nhân; Pakistan và Ấn Độ có khả năng để trang bị chúng. Bắc Hàn, Iran, Iraq, Libya và Algeria cũng đang cố gắng để có được chúng. Một quan chức hàng đầu của Iran đã tuyên bố rằng tất cả các quốc gia Hồi giáo đều nên trang bị vũ khí hạt nhân, và vào năm 1988 tổng

thống Iran được cho là đã đưa ra một sắc lệnh kêu gọi phát triển “các vũ khí hóa học, sinh học và phóng xạ phục vụ việc tấn công và phòng thủ.”

Điều quan trọng trong sự phát triển khả năng quân sự chống lại phương Tây là sự mở rộng sức mạnh quân sự liên tục của Trung Quốc và các phương tiện để tạo ra sức mạnh quân sự đó. Được trợ giúp bởi sự phát triển ngoạn mục về kinh tế, Trung Quốc đang đầu tư ngày càng nhiều cho quốc phòng, điều này dẫn đến sự hiện đại hóa nhanh chóng lực lượng vũ trang nước này. Nước này đang mua vũ khí từ các nước thuộc Liên Xô cũ, phát triển tên lửa tầm xa, và năm 1992 cho thử nghiệm một thiết bị hạt nhân có sức công phá một megaton. Ngoài ra nước này còn phát triển khả năng triển khai sức mạnh, có được công nghệ tiếp liệu trên không, hay cố gắng mua một tàu sân bay. Sự phát triển khả năng quân sự và khẳng định chủ quyền ở Biển Đông của Trung Quốc đã kích thích một cuộc chạy đua vũ trang đa phương trong khu vực Đông Á. Cùng với đó Trung Quốc còn là một nước xuất khẩu lớn về vũ khí và các công nghệ vũ khí. Nước này đã xuất khẩu sang Libya và Iraq những nguyên liệu có thể được sử dụng để sản xuất vũ khí hạt nhân và khí độc. Trung Quốc còn giúp Algeria xây dựng một lò phản ứng phù hợp với việc nghiên cứu và sản xuất vũ khí hạt nhân. Trung Quốc cũng bán cho Iran một công nghệ hạt nhân mà theo các quan chức Mỹ là có thể được dùng để chế tạo vũ khí và rõ ràng nước này còn chuyển các thành phần để sản xuất các tên lửa có tầm bắn 300 dặm cho Pakistan. Bắc Hàn cũng đã có một chương trình vũ khí hạt nhân tiến hành được một thời gian và cũng đã bán các tên lửa và công nghệ tên lửa tiên tiến cho Syria và Iran. Dòng chảy của vũ khí và công nghệ vũ khí thường sẽ là từ Đông Á đến Trung Đông, nhưng cũng có giao dịch theo chiều ngược lại như Trung Quốc đã nhận tên lửa Stinger từ Pakistan.

Như vậy sự liên kết quân sự giữa Nho giáo và Hồi giáo đang được hình thành nhằm giúp các nước này trao đổi mua bán với nhau các loại vũ khí và công nghệ vũ khí cần có để đối phó với sức mạnh quân sự phương Tây. Sự liên kết này có thể kéo dài hoặc không. Tuy nhiên ở hiện tại sự liên kết này như Dave McCurdy nói là “một hiệp ước tương hỗ nổi loạn được thực hiện bởi những nước muốn phổ biến vũ khí và những kẻ hậu thuẫn”. Như vậy, một hình thức cạnh tranh vũ trang đã diễn ra giữa các quốc gia Hồi giáo – Nho giáo với phương Tây. Trong cuộc chạy đua vũ trang kiểu cũ, mỗi bên tự phát triển vũ khí của mình để cân bằng hoặc chiếm ưu thế cao hơn so với bên kia. Còn trong hình thái cạnh tranh vũ trang mới này, một bên sẽ phát triển vũ khí của mình và bên còn lại cố gắng không phải để cân bằng mà là để hạn chế và ngăn chặn việc tích tụ vũ trang của bên kia, đồng thời cũng tự giảm năng lực quân sự của chính mình.

Hàm ý chính sách đối với phương Tây

Bài viết này không nhằm mục đích tranh luận rằng bản sắc nền văn minh sẽ thay thế các loại bản sắc khác, rằng các quốc gia dân tộc sẽ biến mất, mỗi một nền văn minh sẽ trở thành một

thực thể chính trị cố kết, hay các nhóm trong cùng một nền văn minh sẽ không xảy ra xung đột hay thậm chí chiến tranh với nhau. Bài viết này chỉ đưa ra giả thiết rằng sự khác biệt giữa các nền văn minh là có thật và quan trọng; ý thức về nền văn minh đang tăng lên; xung đột giữa các nền văn minh sẽ thay thế xung đột về hệ tư tưởng hay các hình thức xung đột khác để trở thành hình thức toàn cầu của xung đột; quan hệ quốc tế vốn từng là cuộc chơi trong nội bộ nền văn minh phương Tây sẽ ngày càng bị phi phương Tây hóa và trở thành cuộc chơi mà trong đó các nước ngoài phương Tây sẽ trở thành các chủ thể chủ động chứ không chỉ đơn thuần bị động; các tổ chức quốc tế về chính trị, an ninh và kinh tế thành công nhiều khả năng sẽ xuất hiện trong nội bộ các nền văn minh hơn là giữa các nền văn minh; xung đột giữa các nhóm thuộc các nền văn minh khác nhau sẽ thường thấy hơn, diễn ra lâu hơn và cũng mang tính bạo lực hơn so với xung đột giữa các nhóm trong cùng một nền văn minh; xung đột bạo lực giữa các nhóm thuộc các nền văn minh khác nhau sẽ là nguồn nhiều khả năng và nguy hiểm nhất có thể leo thang dẫn tới chiến tranh toàn cầu; trục quan trọng nhất của chính trị thế giới sẽ là quan hệ giữa “phương Tây và phần còn lại của thế giới”; giới tinh hoa của một số nước phi phương Tây bị chia rẽ sẽ cố gắng để trở thành một phần của phương Tây nhưng trong phần lớn các trường hợp sẽ gặp rất nhiều khó khăn để thực hiện điều đó; và xung đột trung tâm trong tương lai gần sẽ là giữa phương Tây và một số nước Nho giáo – Hồi giáo.

Bài viết này cũng không nhằm thúc đẩy mong muốn gây ra xung đột giữa các nền văn minh khác nhau mà chỉ nhằm đặt ra các giả thiết để mô tả hình hài khả dĩ của tương lai. Tuy nhiên, nếu những giả thiết này là hợp lý thì cần xem xét những hàm ý của chúng đối với các chính sách của phương Tây. Các hàm ý này có thể được chia thành hai dạng: ưu thế trong ngắn hạn và thỏa hiệp trong dài hạn. Trong ngắn hạn dễ thấy lợi ích của phương Tây là củng cố sự hợp tác và thống nhất trong lòng nền văn minh của mình, đặc biệt là giữa châu Âu với Bắc Mỹ; giúp các nước Đông Âu và Mỹ Latinh gia nhập vào xã hội phương Tây khi mà các nước này có nền văn hóa gần giống với Tây phương; thúc đẩy và duy trì mối quan hệ hợp tác với Nga và Nhật Bản; ngăn ngừa các cuộc xung đột nhỏ lẻ giữa các nền văn minh trở thành một cuộc chiến tranh lớn giữa các nền văn minh; hạn chế sự bành trướng về sức mạnh quân sự của các nước Nho giáo cũng như Hồi giáo; giảm sự cắt giảm khả năng quân sự của phương Tây sao cho vẫn duy trì ưu thế quân sự đối với các nước Đông và Tây Nam Á; khai thác hơn nữa những khác biệt và xung đột giữa các nước Hồi giáo và Nho giáo với nhau; hỗ trợ các nhóm thuộc các nền văn minh khác có đồng cảm với các giá trị và lợi ích của phương Tây; củng cố các tổ chức quốc tế phản ánh và hợp pháp hóa các lợi ích và giá trị của phương Tây và thúc đẩy sự can dự của các nước phi phương Tây vào các tổ chức này.

Về dài hạn phương Tây sẽ cần tính đến những giải pháp khác. Nền văn minh phương Tây vừa Tây phương vừa hiện đại. Các quốc gia không thuộc văn minh phương Tây đã cố gắng để hiện đại hóa mà không bị Tây phương hóa. Và cho đến nay thì chỉ có mỗi Nhật Bản là đã thành công trong nỗ lực này. Các nền văn minh phi phương Tây khác sẽ tiếp tục có

gắng để nâng cao tiềm lực kinh tế, công nghệ, kỹ thuật, máy móc và các loại vũ khí để đất nước trở nên hiện đại hơn. Các nước này cũng sẽ cố gắng trung hòa giữa hiện đại hóa với văn hóa và các giá trị truyền thống. Sức mạnh quân sự và kinh tế của họ trong tương quan với phương Tây sẽ tăng lên. Chính vì thế phương Tây phải chấp nhận chung sống với các nền văn minh hiện đại phi phương Tây vốn có sức mạnh quân sự sánh được với phương Tây nhưng lại có các giá trị và lợi ích khác biệt hẳn với ở phương Tây. Điều này cũng sẽ đòi hỏi phương Tây phải giữ vững sức mạnh quân sự và kinh tế cần thiết để bảo vệ những lợi ích của mình trong quan hệ với những nền văn minh này. Đồng thời nó cũng yêu cầu phương Tây phải hiểu biết sâu hơn về những nền tảng tôn giáo và triết học của các nền văn minh khác và cách con người ở những nền văn minh này nhìn nhận lợi ích của mình. Điều này sẽ đòi hỏi một nỗ lực để nhận ra được những đặc điểm chung giữa nền văn minh phương Tây với các nền văn minh khác. Trong tương lai gần, sẽ khó có một nền văn minh toàn cầu mà thay vào đó vẫn là một thế giới với các nền văn minh khác nhau, mỗi nền văn minh sẽ phải học cách để cùng tồn tại với những nền văn minh khác.

GIỚI THIỆU DỰ ÁN NGHIENCUUQUOCTE.NET

Mục đích

Nghiencuuquocte.net là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quang đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đồng đạo độc giả quan tâm.

Sau khi dự án hoạt động ổn định, số lượng các bài dịch có chất lượng tăng lên, *Nghiencuuquocte.net* có thể tính tới việc hợp tác với các đối tác để biên soạn các tuyển tập bài dịch theo từng chủ đề nhất định và phát hành dưới dạng sách in hoặc ebook.

Quy trình biên dịch và xuất bản

Ban biên tập chịu trách nhiệm tuyển lựa (và xin phép các nhà xuất bản nếu cần) các bài viết để giao cho các cộng tác viên dịch. Các cộng tác viên cũng có thể chủ động đề xuất lên Ban Biên tập các bài viết mà mình muốn dịch. Sau khi có sự đồng ý của Ban Biên tập, cộng tác viên sẽ tiến hành biên dịch.

Các cộng tác viên hoặc các cá nhân khác nếu đã dịch sẵn một bài viết/ chương sách nào đó cũng có thể gửi đến Ban Biên tập (kèm bản gốc tiếng Anh) để xem xét. Nếu đề tài phù hợp và chất lượng đạt yêu cầu, bài viết có thể được hiệu đính và xuất bản.

Sau khi nhận được bản dịch, Ban Biên tập sẽ kiểm tra bước đầu chất lượng bài dịch. Nếu chất lượng không đạt (ví dụ sai quá nhiều, khó có thể hiệu đính, biên tập được một cách hiệu quả) thì bài dịch sẽ bị từ chối và trả lại người dịch. Trong trường hợp chất lượng thỏa đáng, bài dịch sẽ được chuyển tới các cộng tác viên phù hợp để kiểm định và hiệu đính. Sau khi hiệu đính, Tổng Biên tập sẽ kiểm tra lại lần cuối. Nếu đạt yêu cầu, bài dịch sẽ được xuất bản trên website dự án.

Tổng Biên tập là người quyết định cuối cùng về việc lựa chọn bài dịch, người dịch, người hiệu đính, cũng như việc chuyển hiệu đính và xuất bản các bài viết.

Xuất bản các bài dịch đã được công bố

Ban biên tập hoan nghênh các cộng tác viên đóng góp các bài dịch đã được hiệu đính và xuất bản ở các nơi khác. Trong trường hợp hợp đó, các cộng tác viên đảm bảo việc công bố các bài dịch đó trên *Nghiencuuquocte.net* đã được cho phép bởi các bên liên quan.

Yêu cầu đối với bản dịch

Để được xem xét xuất bản, bản dịch phải đảm ứng các yêu cầu sau:

- Dịch sát và đầy đủ bài viết nguyên gốc. Trong trường hợp vì lý do đặc biệt mà cộng tác viên muốn bỏ một phần nào đó của bài viết gốc thì phải thông báo và được sự đồng ý của Ban Biên tập.
- Ngôn ngữ tiếng Việt trong sáng, dễ hiểu. Hạn chế tối đa lỗi chính tả.
- Trong trường hợp có các thuật ngữ, đoạn văn người dịch cảm thấy khó hiểu hoặc dịch chưa chuẩn, người dịch cần đánh dấu (highlight) các thuật ngữ, đoạn văn đó để tiện cho việc hiệu đính biên tập.

- Giữ toàn bộ nguồn tài liệu tham khảo như trong bản gốc (footnote, endnote, bibliography). Các footnote, endnote có chứa thông tin bổ sung cần được dịch. Tuy nhiên, để tiện cho việc truy nguồn tài liệu tham khảo của người đọc, người dịch giữ nguyên tiếng Anh (không dịch sang tiếng Việt) các nguồn tài liệu tham khảo của bài viết gốc.
- Bài dịch phải được đánh máy bằng font chữ Unicode, cỡ 12 pt, cách dòng 1,5, file MSWord 2003, 2007, 2010 (không gửi bản pdf).
- Bài dịch phải sử dụng Bìa bài dịch theo mẫu thống nhất. Download template bìa bài dịch tại đây: [Template Bìa bài dịch](#)
- Tên file: Tên người dịch + Tên bài viết gốc bằng tiếng Anh.
- Bài dịch sau khi hoàn thành gửi về địa chỉ: nghiencuuquocte@gmail.com.

Thời hạn hoàn thành bản dịch

Vì đây là một dự án dựa trên sự đóng góp tự nguyện, Ban Biên tập không yêu cầu thời hạn cụ thể đối với việc hoàn thành các bản dịch. Tuy nhiên, Ban Biên tập hi vọng sẽ nhận được bản dịch trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày bản gốc được gửi cho người dịch. Thông thường các bản bài gốc tiếng Anh sẽ có độ dài từ 20-35 trang (bao gồm endnote, footnote, bibliography).

Cộng tác với *Ngheencuuquocte.net*

Do đây là một dự án phi lợi nhuận mới ở giai đoạn đầu và chưa có tài trợ nên chúng tôi kêu gọi sự tham gia tình nguyện của các cộng tác viên ở cả hai công đoạn biên dịch và hiệu đính. Nếu bạn quan tâm và muốn trở thành cộng tác viên của dự án, vui lòng điền vào mẫu đơn đăng ký tại: <http://ngheencuuquocte.net/dang-ky-cong-tac/>

Các cộng tác viên đăng ký, tùy vào quyết định của Ban Biên tập, có thể sẽ được đưa vào danh sách cộng tác viên luôn hoặc sẽ được gửi một đoạn trích từ một bài báo/chương sách (khoảng 1-2 trang) để dịch thử. Nếu đạt yêu cầu, chúng tôi sẽ đưa các bạn vào danh sách cộng tác viên và sẽ gửi bài cho các bạn biên dịch/ hiệu đính khi có bài phù hợp với chuyên môn của bạn hoặc theo đăng ký chủ động của bạn. Lưu ý: Việc bạn được gửi bài để dịch cũng như việc bạn nộp bài đã dịch không đảm bảo chắc chắn bài dịch của bạn sẽ được hiệu đính, biên tập và xuất bản.

Lợi ích của việc trở thành cộng tác viên của *Ngheencuuquocte.net*:

- Rèn luyện và nâng cao khả năng tiếng Anh, nhất là kỹ năng dịch thuật;
- Mở rộng hiểu biết về các lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng học tập và nghiên cứu quốc tế tại Việt Nam;
- Được cấp giấy chứng nhận cộng tác viên (có thể đưa vào hồ sơ xin học bổng, xin việc làm) nếu đóng góp từ 2 bài dịch trở lên.
- Được nhận thù lao trong trường hợp dự án xin được tài trợ hoạt động hoặc bài dịch được sử dụng trong các ấn phẩm phát hành có thu phí.

Bản quyền bài dịch

Bản quyền đối với bản dịch được xuất bản cùng được chia sẻ bởi người dịch, người hiệu đính (nếu phải hiệu đính) và trang *Ngheencuuquocte.net*. Trong trường hợp bản dịch phát sinh doanh thu (ví dụ được đưa vào các giáo trình, tập bài đọc, hoặc các ấn phẩm khác được phát hành có thu phí như sách in hoặc ebook), thì sau khi trừ các chi phí biên soạn, in ấn, phát hành, lợi nhuận thu được sẽ được chia theo tỉ lệ: Người dịch: 40% (hoặc 75% nếu không phải hiệu đính); Người hiệu đính: 35%, trang *Ngheencuuquocte.net*: 25%.

Trang *Ngheencuuquocte.net* chịu mọi phí tổn trong trường hợp phải trả phí cho nhà xuất bản để bài viết được phép dịch sang tiếng Việt.

Đăng tải, phát hành lại bài dịch từ *ngheencuuquocte.net*

Việc đăng tải lại trên các trang mạng các bài dịch đã công bố trên website dự án phải ghi rõ nguồn và dẫn link tới bài viết gốc trên *ngheencuuquocte.net*.

Trong trường hợp in ấn hoặc sử dụng các bài viết cho mục đích thương mại, các bên liên quan phải nhận được sự cho phép bằng văn bản của Ban Biên tập *ngheencuuquocte.net*.

Dù nỗ lực tối đa trong nguồn lực cho phép để đảm bảo chất lượng của các bài dịch, *ngheencuuquocte.net* không chịu trách nhiệm về độ tin cậy, chính xác của các bài dịch cũng như những hậu quả có thể phát sinh từ việc trích dẫn, sử dụng lại nội dung của các bài dịch đó dưới bất kỳ hình thức nào.

Miễn trừ trách nhiệm

Trong khi trân trọng sự đóng góp của các cộng tác viên, *Ngheencuuquocte.net* và Ban Biên tập không thể chịu bất cứ trách nhiệm nào đối với các tổn thất, thiệt hại về vật chất, tinh thần, thời gian, sức khỏe... có thể xảy ra đối với các cộng tác viên trong quá trình tiến hành cộng tác với dự án.

Liên lạc

Mọi trao đổi xin vui lòng gửi tới: Lê Hồng Hiệp Email: ngheencuuquocte@gmail.com.